

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH DƯỢC HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY

THÁI BÌNH, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH DƯỢC HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
(Ban hành kèm theo Quyết định số 783/QĐ-YDTB ngày 29/5/2023)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành dược học trình độ đại học hệ chính quy được xây dựng lần đầu tiên năm 2005 và áp dụng đào tạo cho các khóa học từ năm 2006, đến nay đã được rà soát, sửa đổi vào các năm 2015, 2021 trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động cũng như các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chuẩn năng lực cơ bản dược sỹ Việt Nam.

Chương trình được thiết kế thời gian đào tạo trung bình là 5 năm, chia thành 10 học kỳ chính, người học cần tích lũy 165 tín chỉ (chưa tính nội dung giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất) để được xét tốt nghiệp.

Chương trình được rà soát, cập nhật điều chỉnh theo quy định hiện hành của Trường. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

2. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

3. Tên chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: Ngành Dược học trình độ đại học

- Tên tiếng Anh: **Pharmacy**

4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 92/QĐ-KĐCLGD ngày 29/06/2018 Hiệp hội Các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam.*

5. Trình độ đào tạo: Đại học

6. Ngành đào tạo: Dược học

7. Mã ngành đào tạo: 7720201

8. Thời gian đào tạo: 5 năm

9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

10. Hình thức đào tạo: Chính quy

11. Danh hiệu văn bằng

- Tên tiếng Việt: **Dược học**

- Tên tiếng Anh: **Pharmacy**

3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sỹ trình độ đại học là đào tạo những người đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản dược sỹ Việt Nam, có đạo đức tốt; có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học, truyền đạt tri thức và tự học nâng cao trình độ chuyên môn vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể (PEO)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng đạt được các mục tiêu sau:

PEO 1. Có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

PEO 2. Ứng dụng được các kiến thức chuyên môn kết hợp kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực dược.

PEO 3. Có khả năng truyền đạt tri thức, tự nghiên cứu, tự học và học tập suốt đời để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực dược.

PEO 4. Có khả năng tổ chức, quản lý; có năng lực giao tiếp, công tác và làm việc nhóm hiệu quả.

PEO 5. Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong hành nghề chuyên nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO)

Kiến thức:

PLO 1. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn dược.

PLO 2. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

PLO 3. Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực dược; về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

PLO 4. Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp.

Kỹ năng:

PLO 5. Thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động, môi trường và cộng đồng trong thực hành và sản xuất.

PLO 6. Thực hiện tốt các hoạt động sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng theo quy chuẩn GPs.

PLO 7. Khai thác, đánh giá, phản biện và phổ biến được các thông tin cơ bản liên quan đến thuốc và sức khỏe.

PLO 8. Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau; phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO 9. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế.

PLO 10. Thực hiện triển khai, giám sát sử dụng thuốc trên người bệnh tại cơ sở y tế theo quy định, pháp luật về dược.

PLO 11. Thực hiện được một số phương pháp, chức năng quản lý và kinh tế dược trong một số hoạt động cung ứng thuốc ở quy mô, đơn vị khác nhau.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

PLO 12. Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.

PLO 13. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.

PLO 14. Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình người bệnh.

PLO 15. Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**5.1. Thông tin tuyển sinh***** Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

*** Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

*** Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển
A00	Toán, Vật lý, Hóa học

*** Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:** 180 chỉ tiêu/năm

*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản, quy định hiện hành được công bố trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

6. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

6.1. Giáo dục thể chất 1 (1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 7110PHYSED1P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất I nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển, khái niệm, vị trí, tác dụng và đặc điểm về các môn điền kinh. Cách phân loại môn điền kinh. Giới thiệu những kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, kỹ năng thực hành các môn điền kinh: chạy (chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình) , nhảy cao kiểu “Úp bụng” và hình thức tổ chức thi đấu và trọng tài của từng môn.

6.2. Giáo dục thể chất 2 (1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 7110PHYSED2P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất II nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật bóng chuyền vào trong tập luyện và thi đấu. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản sau: Lịch sử hình thành và phát triển môn học; ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ chiến thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cũng như các bài tập bổ trợ kỹ thuật và thể lực thi đấu môn Bóng chuyền.

6.3. Giáo dục thể chất 3(1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 7110PHYSED3P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất III nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật cầu lông vào trong tập luyện và thi đấu. Một số điều luật môn cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông, chiến thuật trong thi đấu đơn và đôi, chiến thuật phát cầu trong thi đấu cầu lông, thực hành tốt các kỹ thuật đập cầu thuận tay, bỏ nhỏ sát lưới, chém cầu, chặn cầu sát lưới và đánh cầu trên lưới, các bài tập phối hợp đánh cầu và bài tập thể lực thi đấu trong môn cầu lông.

6.4. Triết học Mác – Lênin (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 7110MLPHILOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Học phần triết học Mác – Lênin gồm 03 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 45 tiết (03 tín). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; triết học về con người.

6.5. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 7110MLPHILOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Chương trình học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương:

Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Chương II : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Chương III : Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Chương IV : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Chương V: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Chương VI : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

6.6. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 7110SOCIAL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 07 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 30 tiết (02 tín)). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKH. Chương 2 trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. Chương 3 trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; sự vận dụng vấn đề này ở Việt Nam. Chương 4 trình bày bản chất nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Chương 5 trình bày vấn đề cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chương 6 trình bày vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề này. Chương 7 trình bày vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt nam hiện nay.

6.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 7110HCMIDL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Chương trình của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học. Cơ sở, quá trình

hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. và Nhà nước Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

6.8. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 7110REVVCP0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

6.9. Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1) (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 4110FRLGEN1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực thương mại, thể thao, hàng hóa, mua sắm, gia đình, công việc, tình cảm, phim ảnh... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, lượng từ, danh từ và mạo từ Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

6.10. Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2) (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 4110FRLGEN2T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như mua sắm, phát minh và khoa học, các thiết bị điện tử, văn hoá và giao tiếp phi ngôn ngữ... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: Hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và tương lai dự định, các câu điều kiện loại không, loại 1, các động từ tính thái Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

6.11. Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh 3) (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 4110FRLGEN3T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như môi trường, thiên tai, thảm họa, an ninh tội phạm, văn hoá đọc,... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của các em. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: Thì quá khứ hoàn thành, Câu điều kiện loại 2, Cấu trúc với Wish, Câu bị động, Câu tường thuật Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

6.12. Ngoại ngữ 4 (Tiếng Anh 4) (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 4110FRLGEN4T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Thông qua chương trình người học được luyện tập kỹ năng đọc hiểu, đọc dịch đồng thời nắm vững những từ, tổ hợp từ và cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến ngành Dược học như lịch sử và vai trò của ngành Dược, dược liệu, quản lý dược, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng tác dụng thuốc, các dạng bào chế.... Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

6.13. Tin học đại cương(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 9110INFORM0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán tin

Giới thiệu với sinh viên ba nội dung chính sau:

- Hệ điều hành Windows: Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, hướng dẫn một số thao tác trên hệ điều hành Windows.
- Tin học văn phòng: Sinh viên được học chủ yếu dưới dạng thực hành các phần mềm ứng dụng cơ bản bao gồm xử lý văn bản, bảng tính. Phần mềm được chọn dùng cho giảng dạy là bộ Microsoft Office 2010.
- Khai thác Internet: Sinh viên được giới thiệu cách khai thác sử dụng một số dịch vụ Internet bao gồm: Các thao tác khi duyệt Web, tìm kiếm thông tin, dịch vụ thư điện tử.

6.14. Tin học ứng dụng(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 9110INFORM0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán tin

Giới thiệu với sinh viên ba nội dung chính sau:

- Quản lý số liệu với **EpiData Entry**: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về quy trình nhập và quản lý số liệu sử dụng phần mềm EpiData Entry, cách mã hóa một phiếu điều tra, kiểm soát quá trình nhập số liệu, nhập và quản lý số liệu nhập.
- Xử lý số liệu với **EpiData Analysis**: Sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản để mô tả, kiểm tra bộ số liệu và làm sạch bộ số liệu trước khi phân tích.
- Phân tích số liệu với **EpiData Analysis**: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành để phân tích, thống kê số liệu, trình bày số liệu dưới dạng bảng và biểu đồ, kiểm định giả thuyết thống kê...

6.15. Xác suất thống kê (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 4110STATIS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán tin

Học phần Xác suất - Thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, giúp sinh viên hiểu được khái niệm xác suất, các công thức tính xác suất và ứng dụng các quy luật phân phối xác suất để giải các bài toán thống kê: bài toán ước lượng, bài toán kiểm định.

Học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng kiến thức xác suất thống kê vào việc học tập kiến thức chuyên ngành và cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực y dược.

6.16. Vật lý đại cương I (2,0 TC - 1,0 TCLT-1,0 TCTH)

Mã học phần: 4110PHYSIS1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y vật lý

Học phần Vật lý đại cương I cung cấp kiến thức cơ bản về cơ, nhiệt, điện từ học thường sử dụng để xác định tính chất vật lý của các chế phẩm trong ngành Dược. Phần lý thuyết đề cập đến các khái niệm, định nghĩa, công thức, định luật và các ứng dụng. Phần thực hành người học đo được khối lượng, khối lượng riêng, kích thước và áp dụng phương pháp lý hoá xác định được hệ số nhớt của dung dịch, hằng số Faraday, hệ số cặp nhiệt điện.

6.17. Vật lý đại cương II (2,0 TC - 1,0 TCLT-1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120PHYSIS2T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y vật lý

Học phần Vật lý đại cương II cung cấp kiến thức cơ bản về quang học và hạt nhân thường sử dụng để các phép đo quang và phương pháp phân tích quang phổ chất vật lý của các chế phẩm trong ngành Dược. Phần lý thuyết đề cập đến các khái niệm, định nghĩa, công thức, định luật và các ứng dụng trong thực tế và Y Dược. Phần thực hành người học đo được chiết suất, hệ số hấp thụ phóng xạ, khảo sát được sự hấp thụ ánh sáng của dung dịch.

6.18. Hóa đại cương – Vô cơ (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4110INOCHE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Hóa Đại Cương - Vô cơ là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, đề cập đến kiến thức về nguyên tử, phân tử, các loại liên kết hóa học, dung dịch và nhiệt động hóa học giúp sinh viên học tiếp các môn học chuyên ngành và nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp.

6.19. Sinh học đại cương (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4110BIOLOG0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y sinh học

Học phần Sinh học đại cương bao gồm các nội dung về: vật chất của sự sống; cấu tạo và chức năng cơ bản của tế bào; năng lượng và sự trao đổi chất trong tế bào; cơ sở vật chất của các hiện tượng di truyền, biến dị và các kỹ thuật sinh học phân tử và công nghệ sinh học ứng dụng trong ngành dược.

6.20. Tâm lý y học - Đạo đức y học (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 4110MEDPSY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Xã hội học sức khỏe

Nội dung gồm :

Tâm lý y học - Đạo đức y học là một trong nhiều môn học nghiên cứu về con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được đời sống tinh thần phong phú, đa dạng nhưng vô cùng phức tạp của con người. Trong hoạt động nghề nghiệp, cán bộ y tế phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều người bệnh khác nhau. Quá trình thăm khám và điều trị đạt hiệu quả hơn khi cán bộ y tế vững chuyên môn nghiệp vụ và hiểu được tâm lý người bệnh. Đặc biệt, qua môn học, người cán bộ y tế trong tương lai sẽ được trang bị nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.

Đào tạo con người Tài – Đức vẹn toàn là nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp “trồng người” của dân tộc. **Tâm lý y học - Đạo đức y học** là một trong những môn học đảm nhận trọng trách đó..

6.21. Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4110HEALED0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

Giáo dục sức khỏe là một môn học của Y tế công cộng. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của ngành y tế, của tất cả các cán bộ y tế, là giải pháp hàng đầu, có hiệu quả nhất trong các giải pháp bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân, là nội dung số 1 trong các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam và thế giới. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sỹ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

6.22. Hóa Lý Dược (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120PHYCHE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Hóa Lý Dược là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, đề cập đến nguyên tắc Hóa Lý áp dụng trong các lĩnh vực Dược học.

Các đại lượng nhiệt động, tính chất cơ lý, hóa lý của tá dược, dung môi, dược chất là thước đo kỹ thuật trong Công nghệ Dược và Bào chế thuốc. Độ tan, sự phân bố chất tan, hấp phụ, động học xúc tác là cơ sở của lý thuyết của phương pháp phân tích hóa lý ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc, độc chất, chiết xuất hoạt chất khi nghiên cứu dược liệu, dược động học. Trang bị những kiến thức cần thiết cho sinh viên khi học tập các môn chuyên ngành, cũng như cần cho các Dược sĩ hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

6.23. Hóa hữu cơ (4,0 TC - 3,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120ORGCHE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Hoá học hữu cơ là một trong những môn khoa học cơ sở quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học. Môn học này cung cấp một số cơ sở lý thuyết như liên kết hoá học trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng điện tử, đồng phân, phân loại, cơ chế phản ứng ...giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được cấu trúc, tính chất vật lý – hoá học của các hợp chất hữu cơ, khả năng phản ứng, chiều hướng và phương pháp tăng hiệu suất phản ứng...

Hoá học hữu cơ cũng là nền tảng để sản xuất ra nhiều chất cần thiết cho đời sống, môn học này có mối liên hệ chặt chẽ với sinh học và y-dược học, giúp sinh viên hiểu được sâu sắc nhiều hiện tượng sinh học, học tập tốt các môn nghiệp vụ như Hoá dược, Hoá sinh, Dược liệu, Dược lý, Bào chế, Tổng hợp Dược.

6.24. Hóa phân tích (6,0 TC - 4,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4120ANACHE1T - Hóa phân tích 1 (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

4120ANACHE2T - Hóa phân tích 2 (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Hóa học phân tích 1 là môn khoa học xác định thành phần (định tính, định lượng) của các chất hoặc hỗn hợp của chúng. Nội dung gồm hai phần: Phần Đại cương Hóa học phân tích giới thiệu các khái niệm, các phương trình cơ bản trong hóa học phân tích. Phần hai là phần chủ yếu của môn học giới thiệu cơ sở lý thuyết của các phương pháp phân tích cơ bản gồm: phương pháp acid-base, tạo phức chất, oxy hóa khử, kết tủa và phương pháp khối lượng. Lý thuyết của các phương pháp phân tích là cơ sở để hiểu biết sâu sắc các phương pháp phân tích công cụ sẽ được học trong môn học tiếp theo.

Hóa học phân tích công cụ là một nhánh của hóa học liên quan đến việc nghiên cứu và sử dụng các thiết bị để phân tích định tính và định lượng một hoặc một số nhóm chất khác nhau trong mẫu phân tích.

6.25. Điện di sắc ký (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120ELEPHY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Môn chuyên ngành Điện di – Sắc ký là cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp tách chất từ thô sơ đến hiện đại, như các phương pháp: TLC, HPLC, GC, CE ...được ứng dụng nhiều trong kiểm nghiệm thuốc, độc chất, môi trường, và nghiên cứu dược.

6.26. Chuyên đề các phương pháp phổ (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120MASTRY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Môn học này trang bị cho người học:

- Kiến thức cơ bản về các phương pháp vật lý ứng dụng trong phân tích cấu trúc của hợp chất như phổ hồng ngoại IR, phổ cộng hưởng từ hạt nhân NMR, và phổ khối lượng MS.
- Đặc điểm phổ IR, NMR, và MS của các hợp chất hữu cơ.

Ứng dụng các phương pháp phổ để phân tích các hợp chất hữu cơ điển hình.

6.27. Thực vật dược (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120MEHERB0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y sinh học

Nội dung học phần gồm kiến thức về đặc điểm hình thái giải phẫu thực vật, hệ thống học thực vật và phân loại học thực vật.

6.28. Giải phẫu (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120ANATOM0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giải phẫu học

Môn giải phẫu là môn học bắt buộc trong khối các môn học cơ sở ngành của chương trình đào tạo Dược sỹ trình độ đại học.

Về lý thuyết : Cung cấp kiến thức về đặc điểm giải phẫu các cấu trúc, hệ cơ quan trong cơ thể người bình thường, những liên hệ về chức năng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành dược sỹ.

Về thực hành : Xác định được các mốc giải phẫu áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành dược sỹ.

6.29. Sinh lý học (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120PHYSI0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Sinh lý học

Về lý thuyết : Môn Sinh lý học cung cấp cho người học các quy luật cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng chung của các tế bào, các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể; Cơ chế điều hòa hoạt động chức năng để đảm bảo sự thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể và giữa cơ thể với môi trường.

Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: Hệ máu, hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ thống nội tiết, hệ sinh sản, hệ thống thần kinh. Từ đó giúp người học vận dụng kiến thức để giải thích được những rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể. Trên cơ sở đó có thể đề xuất được những biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho con người.

Về thực hành/ Lâm sàng:

Thực hành gồm

+ Các xét nghiệm máu cơ bản : đếm số lượng hồng cầu, số lượng bạch cầu, định công thức bạch cầu phổ thông, định lượng huyết sắc tố, định nhóm máu hệ ABO, đo tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, máu đông, đo thể tích khối hồng cầu.

+ Thực nghiệm chứng minh lý thuyết thần kinh, tuần hoàn, sinh sản.

6.30. Sinh lý bệnh miễn dịch (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120PTHOSI0T

Đơn vị giảng dạy: Sinh lý bệnh miễn dịch

Về lý thuyết: Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể trong các quá trình bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị bệnh lý; vai trò của hệ thống miễn dịch và một số cơ chế rối loạn miễn dịch. Trên cơ sở đó, môn học này giúp người học hiểu được nguyên lý và cơ sở việc sử dụng thuốc an toàn trên người bệnh.

Về thực hành: Minh họa và làm sáng tỏ lý thuyết. Giúp người học thực hành một số thao tác trong hỗ trợ bác sĩ điều trị người bệnh.

6.31. Hóa sinh (4,0 TC - 3,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120BIOCHE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa sinh

Hóa sinh là môn học nghiên cứu về thành phần hóa học của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng trong cơ thể.

Nội dung giảng dạy của môn học hóa sinh được chia thành 3 phần: cấu tạo, chuyển hóa chất và hóa sinh cơ quan.

Phần một: Giới thiệu về cấu tạo, tính chất, vai trò, nguồn gốc của các hợp chất hữu cơ cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống đó là glucid, lipid, protein và một số phân tử đặc biệt như haemoglobin, hormone, enzyme.

Phần hai: Trình bày về đại cương chuyển hóa và sự oxy hóa khử sinh học, trên cơ sở đó giới thiệu về chuyển hóa của các chất glucid, lipid, protein, hemoglobin.

Phần ba: Trình bày về các hoạt động hóa sinh của các cơ quan chủ yếu trong cơ thể như gan, thận, thẳng bằng acid – base, trao đổi nước và các chất vô cơ.

6.32. Vi sinh (2,0 TC – 1,0 TCLT – 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120MIBIGY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Vi sinh

Vi sinh y học là môn học chuyên nghiên cứu về vi sinh vật ảnh hưởng tới sức khỏe con người về các mặt có lợi và có hại cho sức khỏe. Nội dung môn học được chia làm 3 phần:

- Phần 1: Đại cương vi sinh y học
- Phần 2: Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- Phần 3: Các virus gây bệnh thường gặp

Phần đại cương vi sinh y học cung cấp những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, di truyền vi khuẩn, nhiễm trùng và miễn dịch chống nhiễm trùng, nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccine và huyết thanh miễn dịch, các kỹ thuật miễn dịch dùng trong chẩn đoán vi sinh vật, cơ chế tác động của kháng sinh lên tế bào vi khuẩn, cơ chế tác động của thuốc kháng virus.

Phần chuyên đề cung cấp những kiến thức chính liên quan đến vi sinh vật gây bệnh. Ở mỗi vi sinh vật gây bệnh đề cập đến những đặc điểm sinh học quan trọng của chúng, đó là cơ sở để định danh dựa trên các tính chất về hình thể, nuôi cấy, tính chất hóa sinh, kháng nguyên, gen đặc hiệu và cũng là cơ sở nghiên cứu độc lực, khả năng và cơ chế gây bệnh, đây chuyên dịch tế học làm cơ sở khoa học cho các biện pháp phòng bệnh và điều trị các bệnh do chúng gây ra.

Về thực hành: cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc chẩn đoán vi sinh vật các bệnh nhiễm trùng. Đọc và phân tích kết quả nuôi cấy, tính chất hóa sinh của các vi khuẩn gây bệnh thường gặp. Làm được tiêu bản nhuộm Gram, Ziehl – Neelsen. Nhận biết được hình thể, tính chất bắt màu, cách sắp xếp của vi khuẩn trên kính hiển vi quang học. Làm được một số kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh học các bệnh nhiễm trùng bằng test nhanh. Làm và đọc kết quả kháng sinh đồ. Trên nền tảng kiến thức và kỹ năng thực hành giúp sinh viên khi ra trường có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản nhất đáp ứng được nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

6.33. Kí sinh trùng (2,0 TC – 1,0 TCLT – 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4120MIBIGY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Kí sinh trùng

Học phần ký sinh trùng là học phần thuộc khối y học cơ sở trong chương trình giảng dạy dược sỹ. Học phần ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ký sinh trùng và một số bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng những hiểu biết bệnh ký sinh trùng trong tư vấn, hướng dẫn người bệnh các thuốc sử dụng trong điều trị các bệnh ký sinh trùng.

6.34. Bệnh học cơ sở (5,0 TC - 5,0 TCLT)

Mã học phần: 4120MEPAGY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Nội

Học phần “Bệnh học cơ sở” cung cấp kiến thức cơ bản về các mặt bệnh thường gặp. Khóa học này giúp đào tạo những người đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản dược sỹ Việt Nam, có đạo đức tốt; có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học, truyền đạt tri thức và tự học nâng cao trình độ chuyên môn vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

6.35. Sức khỏe môi trường (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4120ENVHLT0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường

Học phần sức khỏe môi trường là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Đồng thời qua môn học sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp.

6.36. Phương pháp nghiên cứu khoa học (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4120MEDPSY0T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Y tế công cộng

Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học. Học phần này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương

pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo..

6.37. Phương pháp điện hóa (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4130ELECHE0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Phương pháp điện hóa là học phần ứng dụng các kiến thức điện hóa, hoá lý sử dụng các phản ứng hoá học kèm theo sự thay đổi các tính chất vật lý của hệ phân tích, sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, có tính chọn lọc, cho phép xác định chất cần phân tích với hàm lượng nhỏ và vết, phân tích hàng loạt mẫu trong thời gian ngắn, được ứng dụng rộng rãi trong các phòng thí nghiệm hiện đại để phân tích mẫu nước, mẫu dung dịch.

6.38. Dược liệu (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4130PHANOS1T – Dược liệu 1 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

4130PHANOS2T - Dược liệu 2 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược liệu

Học phần Dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tầm quan trọng của Dược liệu học:

- Về điều trị và chăm sóc sức khỏe.
- Về Nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng của các dược liệu chứa các nhóm chất tự nhiên: carbonhydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin, alcaloid, tinh dầu, lipid, nhựa, động vật làm thuốc. Khái niệm, cấu trúc hoá học, phương pháp định tính định lượng các nhóm chất tự nhiên.

Phương pháp quan sát để nhận biết dược liệu, phương pháp hiển vi để nhận biết hình thái thực vật, cách làm vi phẫu và lên tiêu bản thực vật. Phương pháp hóa học để định tính, định lượng các hoạt chất trong dược liệu.

6.39. Tài nguyên tinh dầu Việt Nam (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130VNEOES0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược liệu

Nội dung gồm:

- Một số kỹ thuật cơ bản ứng dụng trong nghiên cứu và sản xuất tinh dầu
- Những phương pháp, kỹ thuật tách chiết tinh dầu
- Những cây cho tinh dầu họ thực vật: Apiceae, Lauraceae, Rutaceae, Lamiaceae..
- Cung cấp cho người học có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.
- Bổ sung các kiến thức chuyên môn cơ bản trong nhận biết, kiểm nghiệm để

phát triển thuốc mới.

- Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các loại cây thuốc quý hiện tại chưa tìm thấy, nhận biết và sử dụng được một số cây thuốc thông dụng trong dân gian.

6.40. Phương pháp nghiên cứu dược liệu (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130ANREME0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược liệu

Nội dung gồm: Các kỹ thuật trồng, sơ chế, thu hoạch, kiểm tra giống, một số thông số di truyền và thông số cơ bản để sử dụng; tầm quan trọng của chiết xuất, một số nguyên liệu, dung môi chiết, một số yếu tố ảnh hưởng, các phương pháp chiết xuất; Các phương pháp sắc ký, các phương pháp quang phổ; nghiên cứu cơ chế tác dụng dược lý của thuốc, các phương pháp chuẩn bị mẫu, phương pháp thử nghiệm: chống viêm, chống oxy hóa, giảm đau, kháng khuẩn trên súc vật, xác định liều lượng (liều an toàn và liều độc) đối với mỗi thuốc.

6.41. Dược học cổ truyền (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4130TRAPHA1T – Dược học cổ truyền 1 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

4130TRAPHA2T - Dược học cổ truyền 1 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược liệu

Sau khi học xong môn học này sinh viên được:

- Trang bị những kiến thức cơ bản của lý luận y học cổ truyền để có thể vận dụng vào việc hướng dẫn sử dụng và chế biến, bào chế thuốc cổ truyền.
- Nêu được khái niệm thuốc cổ truyền.

- Phân loại được thuốc cổ truyền theo công dụng.
- Vận dụng chế biến, bào chế để tăng được tác dụng và công dụng thuốc cổ truyền.
- Trang bị những kiến thức về chế biến các dạng thuốc đông dược.
- Phân loại được các dạng thuốc.
- Mục đích, các phương pháp bào chế các dạng thuốc cổ truyền theo YHCT và theo YHHĐ.
- Nguyên nhân gây TDKMM, dự báo TDKMM của bài thuốc trên cơ sở YHCT, Một số tác dụng bất lợi chính của nhóm hợp chất thiên nhiên.
- Vận dụng chế biến, bào chế để được các dạng thuốc từ đông dược.

6.42. Hoá dược (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4130PHACHE1T – Hóa dược 1(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

4130PHACHE2T - Hóa dược 2(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa dược

Hoá dược là môn học cung cấp các kiến thức nền tảng cho mục tiêu nghiên cứu, thiết kế, tổng hợp và phát triển thuốc mới, hiểu được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng của một số nhóm thuốc và kiểm nghiệm các thuốc.

Hoá dược 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: công thức cấu tạo; tên khoa học; tính chất lý học, hóa học, sinh học; liên quan cấu trúc đến tác dụng, tác dụng dược lý và công dụng của 12 nhóm thuốc hóa dược.

Hoá dược 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: công thức cấu tạo; tên khoa học; tính chất lý, hóa, sinh học; tác dụng dược lý và công dụng của 10 nhóm thuốc hóa dược.

Sinh viên áp dụng kiến thức cơ bản này để kiểm nghiệm, bảo quản 1 số hợp chất hóa dược.

6.43. Kiểm nghiệm (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4130PHASIS1T – Hóa dược 1(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

4130PHASIS2T - Hóa dược 2(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa dược

Kiểm nghiệm thuốc là học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với một kiểm nghiệm viên nhằm mục đích xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng cho một thuốc hay nguyên liệu làm thuốc và ứng dụng các tiêu chuẩn đó trong kiểm tra, đánh giá chất lượng thuốc, là một mắt xích quan trọng trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc lưu hành trên thị trường. Cùng với sự phát triển của các phương pháp phân tích và khoa học công nghệ, người làm kiểm nghiệm đã có trong tay những công cụ đắc lực là các phương pháp phân tích có tính khoa học và độ chính xác cao, đảm bảo độ tin cậy cho các kết quả của mình.

6.44. Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130DRSAL00T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa dược

Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc trang bị cho người học những kiến thức về quy trình đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của thuốc theo quy định của Tổ chức Y tế thế giới và Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Từ đó, thiết kế và xây dựng được các nghiên cứu đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của thuốc theo đúng quy định và xác định được hạn dùng của thuốc một cách chính xác và sát với thực tế.

6.45. Dược động học (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4130PHATIS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược lý - Độc chất - Dược lâm sàng

Môn học Dược động học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác động của cơ thể đến các quá trình hấp thu - phân bố - chuyển hoá - thải trừ thuốc ở trên các cá thể bình thường và những thay đổi quá trình dược động học khi áp dụng thuốc trên bệnh nhân. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hướng dẫn sử dụng thuốc theo cá thể và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Nội dung thực hành Dược động học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về động học và thực hành tính toán các thông số dược động học cơ bản đặc trưng cho mỗi giai đoạn trong chu trình tuần hoàn của thuốc trong cơ thể từ những case lâm sàng cụ thể. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hành được việc hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc trên cá thể bình thường và trên những đối tượng đặc biệt đúng, an toàn, hợp lý.

6.46. Dược lý (7,0 TC - 5,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

4130PHACGY1T – Dược lý 1 (3,0 TC - 3,0 TCLT)

4130PHACGY2T – Dược lý 2 (4,0 TC - 2,0 TCL - 2,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược lý - Độc chất - Dược lâm sàng

Môn học Dược lý 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về môn học đồng thời giúp sinh viên có kiến thức về dược động học và dược lực học của một số nhóm thuốc tác dụng trên hệ cơ quan. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hướng dẫn sử dụng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Môn học Dược lý 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược động học và dược lực học của từng nhóm thuốc tác dụng trên hệ cơ quan. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hướng dẫn sử dụng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Phần thực hành Dược lý học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chế phẩm của một thuốc, một số thí nghiệm dược lý minh họa. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hiểu và tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

6.47. Độc chất (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4130TOXITY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa dược

Độc chất học là một nhánh của sinh học, hóa học, và y học nghiên cứu về những chất độc và những tác dụng của các chất độc này đối với các sinh vật sống. Nghiên cứu về các triệu chứng, cơ chế, điều trị và phát hiện sự ngộ độc, đặc biệt là ngộ độc cho người.

6.48. Dược lâm sàng (5,0 TC - 3,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 4130CLIPHA0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dược lý - Độc chất - Dược lâm sàng

Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y sinh học. Môn học nhằm cung cấp những kiến thức giúp sinh viên đánh giá được việc kê đơn thuốc hợp lý theo cá thể trên cơ sở những khác biệt về sinh lý và bệnh lý và hướng dẫn được cho bệnh nhân về việc sử dụng thuốc hợp lý từ đó giúp việc điều trị đạt hiệu quả tốt nhất và phòng ngừa được các phản ứng có hại do thuốc gây ra.

6.49. Bào chế & công nghiệp dược (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần:

4130PHATIC1T – Bào chế & công nghiệp dược 1 (3,0 TC - 2,0 TCLT – 1,0 TCTH)

4130PHATIC2T – Bào chế & công nghiệp dược 2 (3,0 TC - 2,0 TCLT – 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Bào chế học là môn học nghiên cứu cơ sở lý luận và kỹ thuật thực hành về pha chế, sản xuất các dạng thuốc; về tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói và bảo quản các dạng thuốc đó nhằm phát huy cao nhất hiệu lực điều trị của thuốc, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho người dùng và đáp ứng được hiệu quả kinh tế.

Nội dung giảng dạy của môn học **Bào chế** gồm 13 chương chia làm 2 tập, được sắp xếp theo hệ phân tán của các dạng thuốc. Mỗi chương được trình bày nổi bật các nội dung: mục tiêu, nội dung chuyên môn, đảm bảo 4 yêu cầu cơ bản về kiến thức, tính chính xác và khoa học, cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật vận dụng thực tiễn .

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dạng thuốc, thành phần dạng thuốc, kỹ thuật bào chế và sinh dược các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: thuốc bột, cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc đặt, thuốc phun mù... Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua các công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm của một công thức thuốc cụ thể, đặc điểm và vai trò của từng dược chất, tá dược trong công thức, bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.

6.50. Nhóm GP (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130TOPGPS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Để đảm bảo cung cấp thuốc có chất lượng đến tay người sử dụng đòi hỏi phải thực hiện tốt tất cả các giai đoạn liên quan đến sản xuất, bảo quản, tồn trữ, lưu thông phân phối thuốc.

Học phần nhóm GP là học phần nghiên cứu các thực hành tốt ở các giai đoạn từ lúc nghiên cứu sản xuất đến tay người sử dụng để đảm bảo thuốc đảm bảo chất lượng như đã định trước. Học phần nhóm GP giảng dạy gồm 3 nội dung chính:

- Thực hành tốt sản xuất thuốc – GMP (Good Manufacturing Practice)
- Thực hành tốt bảo quản thuốc – GSP (Good Storage Practice)
- Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc – GLP (Good Laboratory Practice)

6.51. Lý thuyết sản xuất thuốc (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 4130PHAMAG0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Sản xuất thuốc là môn học giúp sinh viên có những cái nhìn khái quát nhất về công nghệ bào chế dược phẩm, bao gồm sản xuất nguyên liệu và sản xuất thành phẩm thuốc đưa ra thị trường.

Nội dung giảng dạy bao gồm 4 phần: kỹ thuật tổng hợp hóa dược; kỹ thuật chiết xuất dược chất từ dược liệu; kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc và công nghệ sinh học. Môn học sẽ giúp sinh viên có những kiến thức về các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản, thiết bị sử dụng trong sản xuất thuốc, xây dựng được quy trình sản xuất thuốc quy mô pilot hay quy mô công nghiệp, phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, đưa ra được các biện pháp khắc phục sự cố có thể xảy ra trong sản xuất.

6.52. Thực hành sản xuất thuốc (4,0 TC - 4,0 TCTH)

Mã học phần: 4130PHAMAG0P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Thực hành sản xuất thuốc là môn học để sinh viên có thể áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học trên lớp để tổng hợp ra nguyên liệu làm thuốc và sản phẩm thuốc. Trong quá trình làm, sinh viên có cơ hội thực hiện các kỹ thuật cơ bản, vận hành máy móc, thiết bị trong sản xuất thuốc.

Nội dung giảng dạy bao gồm 4 phần: kỹ thuật tổng hợp hóa dược; kỹ thuật chiết xuất dược chất từ dược liệu; kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc và công nghệ sinh học.

6.53. Thẩm định quy trình sản xuất thuốc (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 4130PRIDMA0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Thẩm định quy trình sản xuất thuốc là học phần nghiên cứu các biện pháp nhằm đảm bảo quy trình sản xuất có khả năng tạo ra các sản phẩm đồng nhất và ổn định chất lượng giữa các lô mẻ khác nhau.

Nội dung giảng dạy được chia làm 5 chương:

Chương 1: Nâng quy mô sản xuất

Chương 2: Đại cương về thẩm định

Chương 3: Một số công cụ thống kê trợ giúp trong thẩm định quy trình

Chương 4: Thẩm định quy trình sản xuất một số dạng thuốc rắn

Chương 5: Thẩm định quy trình sản xuất thuốc tiêm

6.54. Chuyên đề mỹ phẩm (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130TOPCOS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định nghĩa, phân loại, thành phần, kỹ thuật bào chế, phương pháp đánh giá chất lượng, phương pháp đánh giá tính an toàn, quy định quản lý của các chế phẩm mỹ phẩm dùng cho da, răng, tóc, khử mùi và trang điểm màu. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức được học vào trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong thực hành nghề nghiệp.

6.55. Chuyên đề thực phẩm chức năng (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130TOPFDS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Thực phẩm chức năng là môn học nghiên cứu về hoàn cảnh và lịch sử ra đời; thực trạng và xu hướng phát triển; các văn bản pháp lý liên quan; vai trò và ứng dụng của các nguyên liệu trong sản xuất; các dạng bào chế thông thường.

Nội dung giảng dạy của môn học Thực phẩm chức năng gồm 7 chương. Mỗi chương được trình bày nổi bật các nội dung: mục tiêu, nội dung chuyên môn, đảm bảo 4 yêu cầu cơ bản về kiến thức, tính chính xác và khoa học, cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật vận dụng thực tiễn.

6.56. Chuyên đề một số dạng bào chế đặc biệt (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130TOPPHA0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Bào chế & công nghiệp dược

Chuyên đề bào chế các dạng thuốc đặc biệt là môn học giới thiệu về các dạng thuốc phát triển từ các dạng thuốc cơ bản đã học trong học phần Bào chế 1 và Bào chế 2

Nội dung giảng dạy gồm 5 bài với các dạng bào chế đặc biệt gồm: viên sủi bọt, viên ngậm, viên nhai, viên đặt dưới lưỡi, thuốc giải phóng nhanh, thuốc tác dụng kéo dài trên đường tiêu hóa, thuốc tác dụng tại đích, bào chế thuốc cho trẻ em.

6.57. *Quản lý và kinh tế dược (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)*

Mã học phần: 4130PHAECST

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược

Học phần Kinh tế dược là một trong các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo dược sĩ đại học. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát về quá trình hoạt động kinh doanh cũng như quá trình quản trị của doanh nghiệp nói chung và về các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm nói riêng.

6.58. *Pháp chế dược (2,0 TC - 2,0 TCLT)*

Mã học phần: 4130PHALEGOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp lý, quy định về quản lý thuốc gây nghiện thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc, quy định về hành nghề dược, quy định về danh pháp thuốc, kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú, thông tin quảng cáo thuốc, quản lý chất lượng thuốc, quy định về nhãn thuốc, tồn trữ thuốc...

6.59. *Marketing và thị trường dược phẩm (1,0 TC - 1,0 TCLT)*

Mã học phần: 4130MAKTIGOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing: một số khái niệm, lịch sử phát triển của marketing, môi trường marketing, kiến thức về thị trường, về các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối, chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh; marketing và thị trường dược phẩm.

6.60. *Dịch tế dược học (1,0 TC - 1,0 TCLT)*

Mã học phần: 4130PHAEPYOT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược

Môn học Dịch tễ Dược học là môn chuyên ngành trong đào tạo Dược sĩ đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược dịch tễ, các phương pháp nghiên cứu dịch tễ dược học, phương pháp chọn mẫu nghiên cứu, phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu, phương pháp phân tích xử lý số liệu và áp dụng vào thiết kế nghiên cứu các chỉ số sử dụng thuốc trong cộng ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng. Từ đó giúp Dược sĩ tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả trong cộng đồng.

6.61. Dược xã hội học (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 4130PHASOY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược

Học phần Dược xã hội học là một môn học chuyên ngành trong đào tạo Dược sĩ đại học. Học phần Dược xã hội học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành Dược; đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ hơn việc thực hiện một số chính sách, quy định tại cơ sở y tế.

6.62. Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)

Mã học phần: 6130GRADNR0P

Cán bộ hướng dẫn : Các cán bộ tại bệnh viện tuyến tỉnh trở lên.

Nội dung gồm:

- Sinh viên đi thực tập tại các Khoa, Phòng theo sự chỉ đạo của Bệnh viện.
- Sinh viên chủ động ôn luyện củng cố kiến thức dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn thực tập trong Khoa, Phòng. Tham gia các công việc do Khoa, Phòng phân công.
- Sinh viên học cả ngày, 6 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 7).
- Tham gia trực Bệnh viện: Ban cán sự lớp và nhóm trưởng phân công sinh viên tham gia trực theo yêu cầu, phân công của các Khoa, Phòng.
- Kết thúc đợt học tại Khoa, Phòng, sinh viên xin nhận xét của Trưởng khoa, Trưởng phòng và chuyển sang Khoa, Phòng khác theo thứ tự do ban cán sự lớp quy định.

6.76. Tốt nghiệp((10,0 TC – 6,0 TCLT - 4,0 TCTH)

Mã học phần: 6130GRDEXM0B

Trong 6 tuần sinh viên chủ động ôn luyện củng cố kiến thức để tham gia thi tốt nghiệp theo kế hoạch của nhà trường.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

7.1. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình / phát vấn, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, nghiên cứu tình huống, đóng vai, phân tích kế hoạch chăm sóc...
- Thực hành: Làm mẫu động tác, luyện tập theo nhóm, vấn đáp, thảo luận nhóm, giảng dạy trên mô hình, video, tiêu bản, hướng dẫn thực hành tại cơ sở thực địa, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, nhận định và phân tích kết quả, báo cáo kết quả...

7.2. Phương pháp học tập của người học

- Lý thuyết: Nghe giảng, thảo luận nhóm, tìm cách giải quyết vấn đề và bài tập áp dụng, phân tích tình huống, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, xây dựng chuyên đề, trình bày chuyên đề, tham gia đóng vai, nghiên cứu tài liệu
- Thực hành: Tham gia đóng vai, báo cáo chuyên đề, quan sát và ghi chép, thảo luận và thực hành, nhận định và phân tích kết quả, đọc tài liệu, viết thu hoạch,....

7.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- Hướng dẫn tự học: Cán bộ giảng dạy cung cấp tài liệu tham khảo, giao nội dung cần nghiên cứu, bài tập định hướng trước khi giảng bài.
- Tự học: Sinh viên tự tham khảo tài liệu, tìm kiếm nguồn bổ sung, trả lời câu hỏi đặt ra cho nội dung tự học, trình bày kết quả tìm hiểu khi được yêu cầu

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng đối với ngành Dược học trình độ đại học bao gồm:

- Đánh giá chuyên cần: thông qua điểm danh, đánh giá thái độ học tập, mức độ chấp hành nội quy học tập, mức đóng góp vào giờ học, kết quả tự học
- Kiểm tra giữa học phần: Thực hiện bài kiểm tra MCQ, kiểm tra tình huống, sản phẩm thực hành, vấn đáp, trình bày chuyên đề. Kết quả bài kiểm tra được sử dụng làm tiêu chí quyết định sinh viên tiếp tục theo học nội dung học phần.
- Thi kết thúc học phần: Bài thi MCQ, câu hỏi ngắn, tự luận, vấn đáp, tình huống lâm sàng.

Điểm tổng kết học phần được tổ hợp dựa theo công thức đã công bố. Tùy theo nội dung kiến thức, phương pháp dạy học mà trọng số các bài kiểm tra sẽ được thiết lập khác nhau.

B. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1.1. Ban Giám hiệu

Xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn. Quyết định và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp Bộ.

Ra quyết định ban hành chương trình đào tạo, ban hành chuẩn đầu ra, các nội dung chỉnh sửa, đổi mới các hoạt động giảng dạy, học tập, nội dung chương trình đào tạo.

1.2. Hội đồng khoa học và đào tạo trường:

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về xây dựng quy chế, quy định, quy trình đào tạo; đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai, đề xuất chỉnh sửa, đổi

mới, phát triển và hủy bỏ các chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, từ điển học phần của chương trình đào tạo.

1.3. Phòng Quản lý Đào tạo đại học

Tham mưu và giúp Ban Giám hiệu xây dựng chiến lược và thực hiện mục tiêu đào tạo đại học; giám sát chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và phối hợp đảm bảo chất lượng đào tạo. Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh, công tác kết quả học tập và cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy chế. Xây dựng và giám sát thực hiện quy chế đào tạo; Triển khai và quản lý hợp đồng đào tạo của các cơ sở ngoài trường. Một số nhiệm vụ chính thực hiện công tác đào tạo

- Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm và đề xuất phương án tuyển sinh

- Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo khóa học, năm học, học kỳ cho các chuyên ngành đào tạo; Lập thời khóa biểu, triển khai và giám sát việc thực hiện hoạt động dạy và học. Phối hợp các đơn vị liên quan lập kế hoạch sử dụng công cụ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy-học đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để chuẩn bị đầy đủ thủ tục, điều kiện và văn bản ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở thực hành. Quản trị phần mềm quản lý đào tạo.

- Quản lý và giám sát dữ liệu kết quả học tập của sinh viên; Tổ chức in bảng điểm và nhập điểm học phần; kiểm tra xử lý đúng quy định về điểm; Theo dõi và xử lý đúng quy định về học tập, xếp loại học tập. Xét miễn giảm và công nhận học phần, bảo lưu kết quả học tập. Tiếp nhận và xử lý các vấn đề liên quan đến quá trình học tập của sinh viên (nghỉ học tạm thời, thôi học, trở lại học, học lại cùng khóa sau, chuyển trường...). Quản lý và cấp chứng chỉ, văn bằng; Xét tốt nghiệp và hoàn chỉnh hồ sơ tốt nghiệp.

- Tham gia xây dựng chuẩn đầu ra và giám sát thực hiện đào tạo bảo đảm chuẩn đầu ra; Phối hợp với các bên liên quan giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, quy định giảng dạy - học, thi kiểm tra, thực hiện chế độ công tác của giảng viên và chấp hành quy chế đào tạo của sinh viên.

1.4. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

Phối hợp cùng đơn vị trong công tác khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo.

Thực hiện công tác tham mưu cho Ban Giám Hiệu, hỗ trợ Ban Chủ Nhiệm các khoa trong hoạt động kiểm tra và đánh giá đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

1.5. Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch dạy-học tại Trung tâm dựa theo lịch chi tiết của năm học, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn hoặc mua tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Trường

- Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

1.6. Khoa, bộ môn

Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của các môn học do đơn vị phụ trách trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Trường

Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, tổ chức biên soạn đề cương chi tiết học phần, các môn học liên quan; phát triển vật liệu giảng dạy, xây dựng bộ công cụ kiểm tra, đánh giá; biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến các môn học.

Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của Trường.

Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, đơn vị theo yêu cầu của Trường.

2. Giảng viên tham gia giảng dạy

Thống kê cán bộ là giảng viên cơ hữu, giảng viên hợp đồng tham gia giảng dạy ngành Dược

TT	Đơn vị	GS	PGS	TS	ThS	ĐH	Tổng
1.	Bộ môn Giáo dục thể chất			1	4		5
2.	Bộ môn Lý luận chính trị			1	3		4
3.	Bộ môn Ngoại ngữ			1	8		9
4.	Bộ môn Toán tin			1	5	1	7
5.	Bộ môn Y vật lý				4		4
6.	Bộ môn Hóa học			2	5	1	9
7.	Bộ môn Y Sinh học			1	4	1	6
8.	Bộ môn Xã hội học Sức khỏe			1	2		3
9.	Bộ môn Tổ chức và quản lý Y tế			1	3		4
10.	Bộ môn Giải phẫu học			1	6		11
11.	Bộ môn Sinh lý học		1	1	3	1	7
12.	Bộ môn Sinh lý bệnh			1	4		7
13.	Bộ môn Hóa sinh			1	4		7
14.	Bộ môn Vi sinh				4		6
15.	Bộ môn Ký sinh trùng			1	3		6
16.	Bộ môn Nội		1	2	16	5	29
17.	Bộ môn Sức khỏe môi trường	1	2		4		9
18.	Bộ môn Dược liệu – Dược cổ truyền			1	2		6

19.	Bộ môn Hóa dược – Kiểm nghiệm			1	2		7
20.	Bộ môn Dược lý			2	5	2	10
21.	Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược				3	2	7
22.	Bộ môn Tổ chức – Quản lý kinh tế dược				3	1	4
Tổng		1	4	20	97	14	167

Phụ lục 1: Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy ngành Dược học trình độ đại học hệ chính quy

3. Điều kiện cơ sở vật chất

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 84.358 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 23489 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 1100 chỗ.

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Thực hành Tin học	Máy chủ, máy tính, thiết bị mạng...
2	Thực hành Vật lý	Bộ thiết bị thực tập, máy đo quang học, ma sát, điện trở, điện phân...
3	Thực hành hóa học	Thiết bị thực tập hóa học, máy li tâm, máy quang phổ, đo nhiệt, PH, cân điện tử...
4	Thực hành sinh học	Kính hiển vi, tiêu bản, mô hình sinh học...
5	Thực hành ngoại ngữ	Thiết bị nghe
6	Thực hành Giải phẫu học	Mô hình giải phẫu, xác...
7	Thực hành giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, máy cắt tiêu bản, dàn tiêu bản, lưu trữ tiêu bản, nhuộm tiêu bản...
8	Thực hành ký sinh trùng	Kính hiển vi, máy ly tâm, thiết bị bảo quản tiêu bản, nhuộm tiêu bản...
9	Mô phôi	Kính hiển vi, máy ly tâm, thiết bị bảo quản tiêu bản, nuôi cấy, nhuộm tiêu bản...
10	Sinh hóa	Máy xét nghiệm sinh hóa, nước tiểu, máu, máy

		li tâm, so màu, cân phân tích...
11	Sinh lý bệnh	Kính hiển vi, máy phân tích đông máu, lắng máu, máy li tâm, đo dao động, nhuộm tiêu bản,
12	Sinh lý học	Kính hiển vi, máy li tâm, lắc ngang, máy đo chức năng hô hấp, huyết áp, điện tim...
13	Vi sinh	Máy đo PH, cân phân tích, máy li tâm, máy lắc ngang, máy đếm tế bào, kính hiển vi, dụng cụ nhuộm tiêu bản...
14	Huyết học truyền máu	Máy phân tích huyết học, đông máu, đếm tế bào, kính hiển vi...
15	Kỹ năng tiền lâm sàng	Mô hình, thiết bị theo dõi, kính hiển vi, dụng cụ tiểu phẫu, máy đo khúc xạ, máy hút dịch, ống nghe tim phổi điện tử....
16	Khoa y tế công cộng	Cân phân tích điện tử, máy li tâm, máy đo bụi, máy phân tích chỉ tiêu nước, máy đo độ ồn, máy đo khí độc, máy đo PH, bộ phân tích vi sinh, máy đo độ phóng xạ, máy đo khúc xạ,...
17	Thực hành dược lý	Cân điện tử, bộ đo biến đổi thể tích phù không, thiết bị sắc ký lớp mỏng, ...
18	Thực hành hóa dược	Cân phân tích điện tử, máy cất nước, bộ chiết xuất, máy đo màu quang điện, tủ hút khí độc, máy đo PH,...
19	Thực hành bào chế dược	Máy khuấy, đóng thuốc mỡ, cân xác định độ ẩm, khúc xạ kế, máy đo độ rã, bộ định lượng tinh dầu, máy đóng dung dịch, máy quang phổ, máy xác định khối lượng riêng, phân cực kế....
20	Thực hành dược liệu	Máy đo PH, máy khuấy, thiết bị cô, tủ hút khí độc, cân kỹ thuật...

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	18
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	60
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	14
5	Số phòng học đa phương tiện	7

3.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nơi lưu trữ	Thể loại - Số lượng	Ghi chú
1	Thư viện	6.311 đầu sách - 83.386 cuốn sách (Giáo trình, sách tham khảo, sách ngoại văn).	
		29 loại tạp chí tiếng Việt và tiếng nước ngoài về Y học.	
		34 loại báo và tạp chí về VHXH.	
		1.382 tài liệu số (Giáo trình, sách ngoại văn, tạp chí, luận văn, luận án)	
		2 cơ sở dữ liệu tài liệu tham khảo	
		đăng bài giảng Online, video, hình ảnh hoạt động học tập	
2	Bộ môn điều dưỡng	Kỹ thuật đặt thông dạ dày	Video
		Kỹ thuật đo huyết áp	
		Kỹ thuật đếm mạch	
		Kỹ thuật đếm nhịp thở	
		Kỹ thuật đo nhiệt độ ở nách	
		Kỹ thuật băng đầu 1 cuộn	
		Kỹ thuật băng đầu 2 cuộn	
		Kỹ thuật băng khuỷu tay	
		Kỹ thuật băng chữ nhân	
		Kỹ thuật thở oxy gọng kính	
		Kỹ thuật thở oxy Mask đơn	
		Kỹ thuật thụt đại tràng thể tích lớn	
		Kỹ thuật tiêm bắp (tiêm bắp nông)	
		Kỹ thuật tiêm dưới da	
		Kỹ thuật tiêm bắp sâu (tiêm mông)	
		Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	
		Kỹ thuật truyền dịch	
		Kỹ thuật đặt thông tiểu nam	
		Kỹ thuật đặt thông tiểu nữ	
3	E-Learning	Bài giảng Online, video, hình ảnh hoạt động học tập	

C. SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch sắp xếp nội dung và thời gian

Thời gian học tập trong 5 năm chia 10 học kỳ. Nhà trường chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ nhưng phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của

chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành.

Trường ban hành chương trình dạy học để cụ thể hóa tiến trình học tập của chương trình đào tạo.

2. Thực hành tại labo, thực hành lâm sàng

2.1. Thực hành tại labo

Tổ chức thực hành tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Bộ môn theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Từng lớp sẽ được chia thành các nhóm nhỏ để đảm bảo mỗi sinh viên đều được tham gia đầy đủ các bài thực hành của các học phần có thực hành. Điểm kết thúc mỗi học phần là tổ hợp của các điểm thành phần được quy định trong Quy chế đào tạo đã ban hành.

2.2. Thực hành lâm sàng được

Sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện từ năm học thứ 4. Địa bàn thực tập là Bệnh viện đa khoa Thái Bình

Phòng Quản lý đào tạo đại học chịu trách nhiệm liên hệ, bố trí địa điểm thực hành lâm sàng cho sinh viên trước khi học.

Khoa Dược có trách nhiệm giảng dạy, hướng dẫn và quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

3. Thực tập tốt nghiệp

3.1. Thực tế cơ sở

Năm cuối, sinh viên được đi thực tế cơ sở tại các khoa của các bệnh viện tuyến huyện. Phòng Quản lý Đào tạo đại học là đầu mối liên hệ với các bệnh viện trước khi đưa sinh viên đi thực tập. Cán bộ của các khoa thuộc bệnh viện sẽ trực tiếp hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập. Khoa Dược phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo đại học và cơ sở thực tập quản lý sinh viên. Kết quả của đợt thực tế cơ sở sẽ do cơ sở thực tập và Khoa Dược đánh giá, lấy điểm đánh giá là điểm học phần.

3.1. Thực tập tốt nghiệp

Học kỳ cuối, sinh viên thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở thực hành tuyến tỉnh. Phòng Quản lý Đào tạo đại học là đầu mối liên hệ với các bệnh viện trước khi đưa sinh viên đi thực tập. Cán bộ của các khoa thuộc bệnh viện sẽ trực tiếp hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập. Khoa Dược phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo đại học và cơ sở thực tập quản lý sinh viên. Kết quả của đợt thực tế cơ sở sẽ do cơ sở thực tập và Khoa Dược đánh giá đạt hoặc ko đạt, không lấy điểm học phần.

3.2. Tốt nghiệp

Hiện tại Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả tốt nghiệp bằng hình thức tổ chức thi tốt nghiệp cho sinh viên các ngành đào tạo.

Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp: thực hiện theo quy định của của Bộ Giáo dục Đào tạo và Nhà trường.